TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2022/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 95/2022/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;

2/ Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Đội X, thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Ngọc T và Chị Nguyễn Thị L qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 14/12/2009. Thời gian đầu anh, chị sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, cùng nhau vun vén, quan tâm chăm sóc gia đình. Tuy nhiên từ khi sinh con thứ ba, cuộc sống với chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không còn có tiếng nói chung, hai bên không còn lắng nghe, chia sẽ cùng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, để không ảnh hưởng đến các con, anh, chị quyết định sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Sau thời gian sống ly thân, anh chị không thể hàn gắn, vợ chồng chỉ gọi điện thoại cho nhau để nói chuyện về con là chủ yếu. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải rất nhiều nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm vợ chồng nên anh,

chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị K, anh T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Anh T, chị L xác định có 03 con chung là Phạm Thị Ngọc Tr, sinh ngày 07/8/2011, Phạm Ngọc Thủy T, sinh ngày 01/10/2015 và Phạm Nguyễn Bình A, sinh ngày 24/7/2018. Trong quá trình sống ly thân thì các con ở với chị L. Để không làm ảnh hưởng tâm lý và môi trường học hành của các con, Chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Ngọc T thỏa thuận giao con Phạm Thị Ngọc Tr, Phạm Ngọc Thủy T và Phạm Nguyễn Bình A cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu.

[3] *Về tài sản chun:* Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nghĩa vụ chung về tài sản*:* Anh T, chị L xác định không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Ngọc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Ngọc T xác định có 03 con chung là Phạm Thị Ngọc Tr, sinh ngày 07/8/2011, Phạm Ngọc Thủy T, sinh ngày 01/10/2015 và Phạm Nguyễn Bình A, sinh ngày 24/7/2018. Chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Ngọc T thỏa thuận giao con Phạm Thị Ngọc Tr, Phạm Ngọc Thủy T và Phạm Nguyễn Bình A cho chị Liễu tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu.

Anh Phạm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Nguyễn Thị L và Anh Phạm Ngọc T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị L, anh T đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005108, ngày 09/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung